|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **UỶ BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**  Số: 24/2000/PL-UBTVQH10 | |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2000* | |
|  | | |
| **PHÁP LỆNH**  ***số 24/2000/PL-UBTVQH10 ngày 28/4/2000***  ***về Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoàitại Việt Nam***    *Để góp phần thực hiện chính sách của*Nhà *nước về phát triển quanhệ hữu nghị, hợp tác với nước ngoài và bảo vệ lợi ích chủ quyền quốc gia;*  *Pháp lệnh này quy định về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nướcngoài tại Việt Nam.*    **Chương I**  NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG  **Điều 1.**  1.Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi đối vớiviệc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh của người nước ngoài; bảo hộ tính mạng, tàisản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của người nước ngoài cư trú tại Việt Namtrên cơ sở pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩaViệt Nam ký kết hoặc tham gia.  2.Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam phải tuânthủ pháp luật Việt Nam và tôn trọng truyền thống, phong tục, tập quán của nhândân Việt Nam.  Nghiêmcấm lợi dụng việc nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam để viphạm pháp luật  3.Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kếthoặc tham gia có quy định về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nướcngoài tại Việt Nam khác vớl quy định của Pháp lệnh này, thì áp dụng quy địnhcủa điều ước quốc tế đó.  **Điều 2.**  1.Cơ quan, tổ chức Việt Nam, cơ quan, tổ chức nước ngoài và tổ chức quốc tế đặttại Việt Nam, công dân Việt Nam và người nước ngoài cư trú hợp pháp tại ViệtNam được mời người nước ngoài vào Việt Nam.  2.Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời người nước ngoài vào Việt Nam có trách nhiệm bảođảm mục đích nhập cảnh của người nước ngoài; bảo đảm tài chính và cộng tác vớicác cơ quan nhà nước giải quyết các sự cố phát sinh đối với người nước ngoài.  **Điều 3.**Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1."Người nước ngoài" là người không có quốc tịch Việt Nam;  2."Người nước ngoài thường trú" là người nước ngoài cư trú, làm ăn,sinh sống lâu dài ở Việt Nam;  3."Người nước ngoài tạm trú" là người nước ngoài cư trú có thời hạn ởViệt Nam;  4."Nhập cảnh" là vào lãnh thổ Việt Nam qua các cửa khẩu quốc tế củaViệt Nam;  5."Xuất cảnh" là ra khỏi lãnh thổViệt Nam qua các cửa khẩu quốc tế củaViệt Nam;  6."Quá cảnh" là đi qua khu vực quá cảnh tại cửa khẩu quốc tế của ViệtNam.  **Chương II**  **NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, QUÁ CẢNH**  **Điều 4.**  1.Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh phải có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trịthay hộ chiếu (sau đây gọi chung là hộ chiếu) và phải có thị thực do cơ quannhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, trừ trường hợp được miễn thị thực.  2.Người nước ngoài làm thủ tục xin cấp thị thực Việt Nam tại cơ quan quản lý xuấtnhập cảnh thuộc Bộ Công an, cơ quan lãnh sự thuộc Bộ Ngoại giao, cơ quan đạidiện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.  Đơnxin cấp thị thực được trả lời trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  3.Người dưới 14 tuổi đã được khai báo trong đơn xin cấp thị thực của người dẫnđi, thì không phải làm riêng thủ tục xin cấp thị thực.  **Điều 5.**  1.Cơ quan, tổ chức, cá nhân mời người nước ngoài vào Việt Nam gửi văn bản đề nghịtới cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an hoặc cơ quan lãnh sự thuộcBộ Ngoại giao.  2.Văn bản đề nghị được trả lời trong thời hạn không quá 5 ngày làm việc, kể từngày nhận được văn bản.  **Điều 6.**  1.Người nước ngoài xin nhập cảnh được cấp thị thực tại cửa khẩu quốc tế của ViệtNam trong những trường hợp sau đây:  a)Vào dự tang lễ thân nhân, thăm thân nhân đang bị ốm nặng;  b)Xuất phát từ nước không có cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự củaViệt Nam;  c)Vào du lịch theo chương trình do các doanh nghiệp lữ hành quốc tế của Việt Namtổ chức;  d)Vào hỗ trợ kỹ thuật khẩn cấp cho công trình, dự án, cấp cứu người bi bệnh nặng,người bị tai nạn; cứu hộ thiên tai, dịch bệnh ở Việt Nam;  đ)Vì lý do khẩn cấp khác.  2.Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an thực hiện việc cấp thị thực quyđịnh tại khoản 1 Điều này.  **Điều 7.**  1.Thị thực Việt Nam (sau đây gọi là thị thực) có giá trị nhập cảnh, xuất cảnh quacác cửa khẩu quốc tế của Việt Nam.  2.Thị thực gồm các loại sau đây:  a)Thị thực một lần, có giá trị sử dụng một lần trong thời hạn không quá 12 tháng;  b)Thị thực nhiều lần, có giá trị sử dụng nhiều lần trong thời hạn không quá 12tháng.  3.Thị thực không được gla hạn.  Thịthực đã cấp cho người nước ngoài có thể bị hủy bỏ nếu thuộc một trong những trườnghợp quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Pháp lệnh này.  **Điều 8.**  1.Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam chưa cho người nước ngoài nhậpcảnh, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:  a)Không có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 của Pháp lệnh này;  b)Giả mạo giấy tờ, cố ý khai sai sự thật khi làm thủ tục xin nhập cảnh;  c)Vì lý do phòng, chống dịch bệnh;  d)Vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam trong lần nhập cảnh trước;  đ)Vì lý do bảo vệ an ninh quốc gia, lý do đặc biệt khác theo quyết định của Bộ trưởngBộ Công an.  2.Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định cho người nước ngoài thuộc những trườnghợp quy định tại khoản l Điều này nhập cảnh.  **Điều 9.**  1.Người nước ngoài có thể bị tạm hoãn xuất cảnh nếu thuộc một trong những trườnghợp sau đây:  a)Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang là bị đơn trong các vụ tranhchấp dân sự, kinh tế, lao động;  b)Đang có nghĩa vụ thi hành bản án hình sự;  c)Đang có nghĩa vụ thi hành bản án dân sự, kinh tế, lao động;  d)Đang có nghĩa vụ chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nghĩa vụ nộpthuế và những nghĩa vụ khác về tài chính.  2.Những trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này, nếu có bảolãnh bằng tiền, tài sản hoặc có biện pháp khác để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đótheo quy định của pháp luật Việt Nam, thì được xuất cảnh.  3.Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, cơ quan thi hành án từ tỉnh, thành phốtrực thuộc Trung ương trở lên có thẩm quyền quyết định tạm hoãn xuất cảnh trongnhững trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này.  Cơquan có thẩm quyền tạm hoãn xuất cảnh phải ra quyết định giải tỏa tạm hoãn xuấtcảnh khi không còn yêu cầu tạm hoãn xuất cảnh. Quyết định tạm hoãn xuất cảnh,quyết định giải tỏa tạm hoãn xuất cảnh phải được thông báo bằng văn bản cho cơquan quản lý xuất nhập cảnh thuộc Bộ Công an để thực hiện.  4.Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với người nước ngoàithuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này theo đề nghị của Bộ trưởng,Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phốtrực thuộc Trung ương. | | |

|  |
| --- |
| **TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI** |
| **CHỦ TỊCH** |
| *(Đã ký)* |
|  |
|  |
| **Nông Đức Mạnh** |